TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ UÔNG BÍ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 138/2018/HSST Ngày 19 - 10 - 2018	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Phúc Định.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quyến và bà Vũ Thị Xuyến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Mạnh Hoàng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 134/2018/TLST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 136/QĐXXST-HS ngày 04/10/2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Duy Kh**; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 12/02/1980, tại thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh. Nơi cư trú: tổ 45B, khu 12, phường QT, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn T và bà Trần Thị L; có vợ là chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1977; có 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 26/01/2005, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 07 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/9/2010, đã chấp hành xong phần dân sự ngày 22/5/2007; bị cáo đầu thú ngày 08/4/2018, tạm giữ từ ngày 08/4/2018 đến ngày 11/4/2018, tạm giam từ ngày 11/4/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Đỗ Hoàng M**; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 05/11/1984, tại thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh. Nơi cư trú: tổ 25A, khu 7, phường QT, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Văn H và bà Phùng Thị Kh; vợ, con: Chưa có; tiền sự: không; 02 (hai) tiền án: Ngày 15/8/2013, bị Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (tài sản trộm cắp trị giá 3.770.000 đồng). Chấp hành xong hình phạt tù vào tháng 02/2014, đã chấp hành xong phần

dân sự ngày 25/10/2013; Ngày 03/7/2014, M cùng đồng phạm trộm cắp tài sản trị giá 34.000.000 đồng, đến ngày 02/12/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/4/2016, hiện M chưa chấp hành xong phần dân sự của bản án trên; Nhân thân: Năm 2006, bị đưa đi cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm giáo dục lao động xã hội VO, huyện HB, tỉnh Quảng Ninh, đến năm 2009 trở về địa phương; bị cáo đầu thú ngày 21/4/2018, tạm giữ từ ngày 21/4/2018 đến ngày 24/4/2018, tạm giam từ ngày 24/4/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Trần Văn Th**; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 27/7/1992, tại thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh. Nơi cư trú: tổ 33, khu 5, phường TV, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Th; vợ, con: Chưa có; tiền sự: không; 02 (hai) tiền án: Ngày 25/3/2013, bị Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Tháng 01/2014, chấp hành xong hình phạt tù, đã thi xong phần dân sự; Ngày 16/01/2015, bị Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí xử phạt 18 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Ngày 17/4/2016, chấp hành xong hình phạt tù, đã thi hành xong phần dân sự; bị cáo bị bắt theo Lệnh truy nã ngày 17/7/2018, tạm giữ từ ngày 17/7/2018 đến ngày 20/7/2018, tạm giam từ ngày 20/7/2018, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Phùng Văn T; sinh năm: 1985; địa chỉ: tổ 43, khu 12, phường QT, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Trần Thị L, sinh năm: 1986; địa chỉ: tổ 6, khu 8, phường TS, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

2. Anh Phạm Văn Ng, sinh năm: 1978; địa chỉ: tổ 6, khu 8, phường TS, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

3. Anh Nguyễn Như C, sinh năm: 1980; địa chỉ: khu Hợp Thành, phường ĐM, thị xã QY, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

4. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm: 1977; địa chỉ: tổ 41, khu 11, phường QT, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

1. Chị Bùi Thị Th, sinh năm: 1995; địa chỉ: tổ 21, khu Núi Gạc, phường YTh, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

2. Chị Nguyễn Thúy H, sinh năm: 1988; địa chỉ: tổ 21, khu 6, phường QT, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

3. Anh Phạm Văn V, sinh năm: 1972; địa chỉ: thôn 9, xã NgH, thị xã ĐTr, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ ngày 07/4/2018, Trần Duy Kh cùng với chị Bùi Thị Th (bạn Kh) đến nhà bạn là Nguyễn Thúy H (cũng là bạn Kh) ở tổ 21, khu 6, phường QT, thành phố UB chơi thì gặp Đỗ Hoàng M. Do trước đó Kh quan sát, biết ở khu vực đầu cầu sông S có 02 tấm sắt và nảy sinh ý định trộm cắp nên Kh đã rủ M đi trộm cắp, M đồng ý. Kh điều khiển xe mô tô biển kiểm soát (BKS) 14K2-2272 chở M ngồi sau đi đến khu vực đầu cầu sông S, nơi có 02 tấm sắt, mỗi tấm có kích thước (1,8x1,5x0,01)m của anh Phùng Văn T (sinh năm 1985; trú tại tổ 45, khu 12, phường QT, thành phố UB) dùng để bắc qua hố cáp điện đầu cầu sông S bên trái đường hướng UB - ĐT để cho xe ô tô chở đất chạy qua đổ đất vào phía sau nhà. Kh bảo M ở lại chờ, còn Kh điều khiển xe mô tô về nhà chở theo 01 chiếc xe ba gác đến để chở sắt.

Khoảng 01 giờ cùng ngày, trong lúc chờ Kh, M gặp Hầu Đức Th1 (Th L) và Trần Văn Th (Th Th) đi bộ đến. Lúc này, Kh điều khiển xe mô tô BKS 14K2-2272 kéo theo xe ba gác cũng vừa đến. Cả nhóm thống nhất lấy trộm 02 tấm sắt trên. Quan sát thấy xung quanh không có ai, cả nhóm khênh 02 tấm sắt lên thành thùng xe ba gác của Kh. Kh tiếp tục điều khiển xe mô tô chở theo M, còn Th, Th1 đi bộ đến khu vực trường Trung học cơ sở TQT ở phường QT, thành phố UB cất giấu 1 tấm sắt ở đó, Th ở lại trông tấm sắt trên. Kh điều khiển xe mô tô BKS 14K2 - 2272 kéo theo xe ba gác chở M, Th1 cùng 01 tấm sắt đến cửa hàng thu mua phế liệu của chị Trần Thị L (sinh năm 1986) ở tổ 6, khu 8, phường TS, thành phố UB để bán. Hai bên thống nhất mua bán với giá 7.300đ/01kg. Do cân của nhà chị L không cân được tấm sắt to nên chị L đã đưa trước cho Th1 số tiền 300.000 đồng và hẹn lúc nữa quay lại khi cắt được tấm sắt làm 02 tấm nhỏ và cân xong thì sẽ thanh toán nốt số tiền còn lại.

Sau đó, Kh, M, Th1 quay lại khu vực trường Trung học cơ sở TQT cùng Th khênh nốt tấm sắt còn lại lên xe, rồi Th1 đi về nhà. Khoảng 06 giờ cùng ngày, Kh, M, Th chở tấm sắt này đến cửa hàng thu mua phế liệu của anh Nguyễn Như C (sinh năm 1980) ở khu Hợp Thành, phường ĐM, thị xã QY bán cho anh C. Hai bên thống nhất bán với giá 7.000đ/1kg. Anh C cân tấm sắt được 210kg và đưa cho Kh số tiền 1.400.000đồng.

Tiếp đó, cả ba quay lại cửa hàng thu mua phế liệu của chị L. Lúc này, tấm sắt đã được chị L cắt làm 02 tấm sắt nhỏ và cân được tổng trọng lượng là 210kg. Sau khi trừ đi số tiền đã trả trước cho Th1, chị L trả nốt cho Kh 1.230.000 đồng. Sau đó, cả ba đi về nhà Th1 ở tổ 45, khu 12, phường QT, thành phố UB. Tại đây, sau khi kiểm đếm số tiền bán 02 tấm sắt được là 2.930.000đồng, cả nhóm đồng ý chia cho mỗi người 700.000 đồng, trong đó Th1 có bảo với Kh đưa cho Th1 cả phần của Th, Kh đưa cho Th1 1.100.000 đồng (trước đó Th1 đã cầm 300.000 đồng tiền chị L ứng trước), riêng Kh được chia thêm 130.000đồng tiền xăng xe đi lại.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 27, ngày 09/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Uông Bí thể hiện: 02 tấm sắt đã qua sử dụng, mỗi tấm có kích thước (1,8x1,5x0,01)m, tổng trọng lượng là 420kg có trị giá 3.360.000đồng (Ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

Sau khi phạm tội, Trần Văn Th, Hầu Đức Th1 đã bỏ trốn khỏi địa, phương, Cơ quan điều tra đã khởi tố bị can, ra quyết định truy nã. Ngày 08/4/2018, Trần Duy Kh đến Cơ quan điều tra đầu thú. Ngày 21/4/2018, Đỗ Hoàng M cũng đến Cơ quan điều tra đầu thú. Ngày 17/7/2018, Trần Văn Th bị công an tỉnh Lai Châu bắt theo quyết định truy nã. Cả ba bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Riêng bị cáo Th không thừa nhận việc được chia tiền vì khi chia tiền, Th ở dưới bếp, sau đó có nghe lại là Kh và Th1 chia tiền song Th không được nhận tiền từ Th1.

Riêng Hầu Đức Th1, sau khi phạm tội đã bỏ trốn khỏi địa phương, Cơ quan điều tra đã tách vụ án đối với Th1.

Trong các ngày 08/4/2018, 10/4/2018, chị Trần Thị L, anh Nguyễn Như C giao nộp lại 02 tấm sắt trên cho Cơ quan điều tra và không có yêu cầu bồi thường gì.

Tại bản Cáo trạng số 141/CT-VKSUB ngày 12/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố các bị cáo Trần Duy Kh, Đỗ Hoàng M, về tội: "Trộm cắp tài sản", trong đó Đỗ Hoàng M, Trần Văn Th theo quy định tại điểm g khoản 2, còn Trần Duy Kh theo quy định tại khoản 1 đều thuộc Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 BLHS: xử phạt bị cáo Trần Duy Kh 12 đến 15 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản",* thời hạn tù tính từ ngày bắt 08/4/2018.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 BLHS: xử phạt bị cáo Đỗ Hoàng M 24 đến 27 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn tù tính từ ngày bắt 21/4/2018.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 BLHS: xử phạt bị cáo Trần Văn Th 24 đến 27 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn tù tính từ ngày bắt 17/7/2018.

- Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS và khoản 2 Điều 106 BLTTHS:

+ Tịch thu, sung quỹ Ngân sách nhà nước đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Majesty BKS 14K2-2272, số khung: PCG022TT*007681*, số máy: 1P50FMG*001394*; 01 giấy đăng ký xe của xe mô tô BKS 14K2-2272.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc xe ba gác tự chế có chiều dài 2,7m, càng dài 1,3m, kích thước thùng (1,4x0,56x0,4)m.

+ Truy thu sung quỹ Nhà nước của bị cáo Kh 830.000đ, bị cáo M 700.000đ. Do không có căn cứ chứng minh bị cáo Th được chia tiền nên không truy thu đối với bị cáo Th, riêng Th1 trốn khỏi địa phương, phần tiền Th1 cầm truy thu sau.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa: Các bị cáo khai nhận hành vi trộm cắp tài sản đúng như tóm tắt nội dung vụ án đã nêu và xin giảm nhẹ hình phạt. Các bị cáo không tranh luận,

lời nói sau cùng, các bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Bị hại anh Phùng Văn T; Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: chị Trần Thị L; anh Phạm Văn Ng; Những người làm chứng: chị Bùi Thị Th và anh Phạm Văn V, có lời khai trong hồ sơ vụ án phù hợp với nội dung sự việc như đã nêu trên. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Như C tại phiên tòa hôm nay cũng có lời khai phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và phù hợp với nội dung sự việc như đã nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các tài liệu, chứng cứ, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Uông Bí, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, của Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo; bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về các tài liệu, chứng cứ, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các tài liệu, chứng cứ, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc định tội: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai xác nhận của bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; người làm chứng; biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận định giá tài sản, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra công khai tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Khoảng 01 giờ ngày 07/4/2018, tại khu vực đầu cầu sông S, phường QT, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh, Trần Duy Kh, Đỗ Hoàng M đã cùng Hầu Đức Th1, Trần Văn Th lén lút trộm cắp 02 tấm sắt có kích thước (*1,8x1,5x0,01*)m trị giá 3.360.000đồng (*Ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng*) của anh Phùng Văn T mang đi bán được 2.930.000 đồng (*Hai triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng*) rồi chia nhau ăn tiêu hết.

Các bị cáo là người thành niên, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, tuy biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do bản tính lười lao động, muốn biến tài sản của người khác thành tài sản của mình qua con đường bất hợp pháp nên bị cáo đã lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản của anh Phùng Văn T để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân, đây là một trong những quyền được pháp luật Nhà nước bảo vệ, làm mất trật tự trị an xã hội. Các bị cáo Đỗ Hoàng M, Trần Văn Th có 02 tiền án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích, do đó hành vi của 02 bị cáo trên đã phạm vào tội "***Trộm cắp tài sản***" thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; hành vi của bị cáo Trần Duy Kh đã đủ yếu tố cấu thành tội: "***Trộm cắp tài sản"*** quy định tại khoản 1

Điều 173 của Bộ luật hình sự, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí truy tố và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

"*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm…*

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

g, Tái phạm nguy hiểm..."

[3] Về hình phạt:

[3.1] ***Hình phạt chính:*** Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội và bị coi là tội phạm bởi nó xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân, đây là một trong những quyền được pháp luật Nhà nước bảo vệ, khiến tình hình trật tự trị an xã hội phức tạp, cho nên để tăng cường biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm nói chung cũng như để giáo dục, cải tạo riêng đối với các bị cáo cần có một hình phạt nghiêm, xét thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục bị cáo sửa chữa lỗi lầm của bản thân để trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Xét vai trò, mức độ tham gia, tính chất hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo thấy: Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn. Bị cáo Kh là người trực tiếp khởi xướng và điều khiển xe mô tô chở bị cáo M đi trộm cắp sắt, sau đó khi đi bán sắt, bị cáo cũng là người trực tiếp giao dịch và nhận tiền rồi chia tiền; bản thân bị cáo cũng có nhân thân xấu, năm 2005 đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 07 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", đến nay đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cảnh tỉnh, tự rèn luyện, cải tạo, sửa chữa bản thân, do đó bị cáo Kh giữ vai trò chính trong vụ án.

Đối với bị cáo M ngay khi được bị cáo Khánh rủ đi trộm cắp sắt, bị cáo M đồng ý tham gia và thống nhất cao về mặt ý chí với Kh, cho nên giữ vai trò sau bị cáo Kh; còn bị cáo Th khi cùng với Th1 đến khu vực cầu sông S thì gặp M, Kh và hiểu ý cùng thống nhất trộm cắp 02 tấm sắt, trong quá trình trộm cắp cả 02 bị cáo đều tích cực thực hiện và cùng bị cáo Kh đi bán sắt, nên giữ vai trò sau bị cáo M. Bản thân bị cáo M, Th có 02 tiền án chưa được xóa án tích. Bị cáo M đã bị Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí xử phạt về tội "Trộm cắp tài sản" vào các năm 2013, 2014; bị cáo Th cũng bị Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí xử phạt về tội "Trộm cắp tài sản" vào các năm 2013, 2015 nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học cảnh tỉnh, tự rèn luyện, sửa chữa bản thân để trở thành người công dân tốt mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Riêng bị cáo Th sau khi phạm tội, đã trốn khỏi địa phương, đến ngày 17/7/2018 thì bị công an tỉnh Lai Châu bắt theo quyết định truy nã. Hành vi phạm tội trộm cắp tài sản lần này của các bị cáo M, Th thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tuy nhiên xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, do đó, cần xem xét áp dụng cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; đối với các bị cáo Kh, M sau khi phạm tội đến cơ quan công an đầu thú; bị hại là anh Phùng Văn T có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho 02 bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, để các bị cáo có cơ hội sửa chữa, cải tạo sớm trở lại thành người có ích cho xã hội; bị cáo Th có vai trò sau bị cáo M nhưng do bị cáo M được xem xét áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho nên phức hình phạt đối với 02 bị cáo ngang nhau là phù hợp.

[3.2] ***Hình phạt bổ sung:*** Theo quy định tại khoản 5 điều 173 Bộ luật hình sự thì ngoài hình phạt chính, các bị cáo còn có thể bị phạt một khoản tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng nhưng xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định; không có thu nhập, nên miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] Về bồi thường dân sự: Bị hại anh T đã nhận lại tài sản bị mất, không có yêu cầu bồi thường, nên không đề cập xử lý; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị L, anh C không có yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 1.530.000đồng, 1.400.000đồng, nên không đề cập xử lý.

[5] Đối với chị Trần Thị L, anh Nguyễn Như C, quá trình điều tra xác định chị L, anh C mua sắt do Kh, M, Th và Th1 trộm cắp nhưng không biết việc Kh, M, Th và Th1 trộm cắp nên không đề cập xử lý; Đối với chị Nguyễn Thúy H, Bùi Thị Th không biết việc Kh, M đi trộm cắp nên không đề cập xử lý; Đối với Hầu Đức Th1 trốn khỏi địa phương, Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã đối với Th1 và tách vụ án đối với Th1. Quá trình điều tra và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị M khai chiếc xe mô tô nhãn hiệu Majesty BKS 14K2-2272, số khung: PCG022TT*007681*, số máy: 1P50FMG*001394*; 01 giấy đăng ký xe của xe mô tô BKS 14K2-2272 và chiếc xe ba gác tự chế có chiều dài 2,7m, càng dài 1,3m, kích thước thùng (1,4x0,56x0,4)m, là tài sản riêng của bị cáo Kh tự mua và sử dụng vào việc riêng. Bị cáo Kh tại phiên tòa hôm nay cũng khai nhận chiếc xe mô tô trên là của riêng bị cáo Kh, không phải là tài sản chung trong quá trình hôn nhân giữa bị cáo và chị M.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với vật chứng là 03 tấm sắt, quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Phùng Văn T, nên không đề cập xử lý;

- Đối với 01 chiếc điện thoại Mobistar màu hồng trắng, gắn sim số 0963.298.435; 01 đồng hồ đeo tay màu hồng nhạt bằng kim loại, trong mặt đồng hồ có chữ Emporio Armani và Quartz, khi bắt truy nã đã thu của bị cáo Th, xác định không liên quan đến hành vi phạm tội đã trả lại cho bị cáo Th, nên không đề cập xử lý;

- Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Majesty BKS 14K2-2272, số khung: PCG022TT*007681*, số máy: 1P50FMG*001394*; 01 giấy đăng ký xe của xe mô tô BKS 14K2-2272, đây là tài sản riêng hợp pháp của bị cáo Kh và là phương tiện phạm tội cần tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 chiếc xe ba gác tự chế có chiều dài 2,7m, càng dài 1,3m, kích thước thùng (1,4x0,56x0,4)m, đây là tài sản riêng của bị cáo Kh và là phương tiện phạm tội, xét thấy không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền do các bị cáo phạm tội mà có: bị cáo Kh 830.000đ, bị cáo M 700.000đ. Do không có căn cứ chứng minh bị cáo Th được chia tiền nên không truy thu đối với bị cáo Th, riêng Th1 trốn khỏi địa phương, phần tiền Th1 cầm truy thu sau.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1, điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố các bị cáo: **Trần Duy Kh, Đỗ Hoàng M**, **Trần Văn Th** phạm tội: "***Trộm cắp tài sản***''.

2. - Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo **Trần Duy Kh *12 (mười hai) tháng tù***, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ là 08/4/2018.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo **Đỗ Hoàng M *27 (hai mươi bẩy) tháng tù***, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ là 21/4/2018.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo **Trần Văn Th *27 (hai mươi bẩy) tháng tù***, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ là 17/7/2018.

3. Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu phát mại sung quỹ Ngân sách nhà nước đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Majesty BKS 14K2-2272, số khung: PCG022TT*007681*, số máy: 1P50FMG*001394*; 01 giấy đăng ký xe của xe mô tô BKS 14K2-2272

- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc xe ba gác tự chế có chiều dài 2,7m, càng dài 1,3m, kích thước thùng (1,4x0,56x0,4)m.

(Tình trạng và đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng hồi 10 giờ 30 phút, ngày 23 tháng 7 năm 2018 giữa Công an thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh).

- Truy thu sung quỹ Nhà nước của bị cáo Kh 830.000đ (*tám trăm ba mươi nghìn đồng*), bị cáo M 700.000đ (*bẩy trăm nghìn đồng*).

4. Áp dụng: khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Trần Duy Kh, Đỗ Hoàng M, Trần Văn Th mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Áp dụng: Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; các bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án ; bị hại và những Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- *Bị cáo; bị hại;*
- *Người có QLNVLQ*
- *VKSND TP.Uông Bí;*
- *Công an TP.Uông Bí;*
- *TAND tỉnh Quảng Ninh;*
- *THADS TP.Uông Bí;*
- *Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh;*
- *Lưu HS; Lưu TA*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Phúc Định